

Số: **18** /2015/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **18** tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập
và lệ phí tuyển sinh trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm học 2015-2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015;

Căn cứ Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Số 49/2010/NĐ-CP quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/5/2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 – 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT, ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo : Hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam, khoá XVII - kỳ họp thứ mười ba về mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập và lệ phí tuyển sinh trên địa bàn tỉnh năm học 2015-2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 625/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 5 năm 2015 về mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập và lệ phí tuyển sinh trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm học 2015-2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập và lệ phí tuyển sinh trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm học 2015-2016, cụ thể như sau:

I. HỌC PHÍ

1. Đối với thành phố Phủ Lý:

1.1. Phân chia khu vực:

- Khu vực thành thị: Gồm các phường của thành phố;
- Khu vực nông thôn: Gồm các xã còn lại.

Học sinh có hộ khẩu thuộc khu vực nào thì đóng học phí theo khu vực đó.

1.2. Mức thu:

a) Giáo dục mầm non:

- Nhà trẻ:

- + Khu vực thành thị: 120 000 đ/ tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 55 000 đ/ tháng/học sinh.

- Mẫu giáo:

- + Khu vực thành thị: 100 000 đ/ tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 55 000 đ/ tháng/học sinh.

b) Trung học cơ sở :

- Khu vực thành thị : 80 000 đ/ tháng/học sinh.
- Khu vực nông thôn: 45 000 đ/ tháng/học sinh.

c) Trung học phổ thông (THPT) :

- Khu vực thành thị : 95 000 đ/ tháng/học sinh.
- Khu vực nông thôn : 60 000 đ/ tháng/học sinh.

d) Học viên học chương trình Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp THPT trong các Trung tâm GDTX:

- Khu vực thành thị: 125 000 đ/ tháng/học sinh.
- Khu vực nông thôn: 115 000 đ/ tháng/học sinh.

2. Đối với các huyện:

2.1. Phân chia khu vực:

- Khu vực thành thị Gồm 7 thị trấn: Hoà Mạc, Đồng Văn, Quế, Vĩnh Trụ, Bình Mỹ, Ba Sao, Kiện Khê;

- Khu vực nông thôn : Gồm các xã còn lại.

Học sinh có hộ khẩu thuộc khu vực nào thì đóng học phí theo khu vực đó.

2.2. Mức thu:

a) Giáo dục mầm non:

- Nhà trẻ:

+ Khu vực thành thị: 110 000 đ/ tháng/học sinh.

+Khu vực nông thôn: 55 000 đ/ tháng/học sinh.

- Mẫu giáo:

+ Khu vực thành thị: 90 000 đ/ tháng/học sinh.

+Khu vực nông thôn: 55 000 đ/ tháng/học sinh.

b) Trung học cơ sở :

- Khu vực thành thị : 70 000 đ/ tháng/học sinh.

- Khu vực nông thôn: 45 000 đ/ tháng/học sinh.

c) Trung học phổ thông :

- Khu vực thành thị : 80 000 đ/ tháng/học sinh.

- Khu vực nông thôn : 60 000 đ/ tháng/học sinh.

d) Học viên học chương trình GDTX cấp THPT trong các trung tâm GDTX:

- Khu vực thành thị: 125 000 đ/ tháng/học sinh.

- Khu vực nông thôn: 115 000 đ/ tháng/học sinh.

3. Học phí học nghề trong các trường phổ thông công lập:

Thực hiện theo Quyết định số: 31/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

4. Thời gian thu:

- Đối với cơ sở giáo dục Mầm non: Học phí được thu theo số tháng thực học.

- Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông: Học phí được thu 9 tháng/ năm.

II. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

1. Lệ phí thi tuyển sinh vào lớp 10:

- Môn chuyên: 60.000 đồng/ môn thi
- Môn không chuyên (đại trà): 40.000 đồng/ môn thi

2. Lệ phí phúc khảo bài thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp THPT và bổ túc THPT: 20.000 đồng/ môn.

3. Lệ phí thi nghề phổ thông: 30.000 đồng/ học sinh

4. Lệ phí xét tuyển phổ thông (nếu không tổ chức thi tuyển): 15.000 đồng/ học sinh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hà Nam, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD và ĐT (để b/cáo);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- VPUB: CPVP, VX, KTTH;
- Website Hà Nam, TTCB;
- Lưu VT, VHXH;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Đông